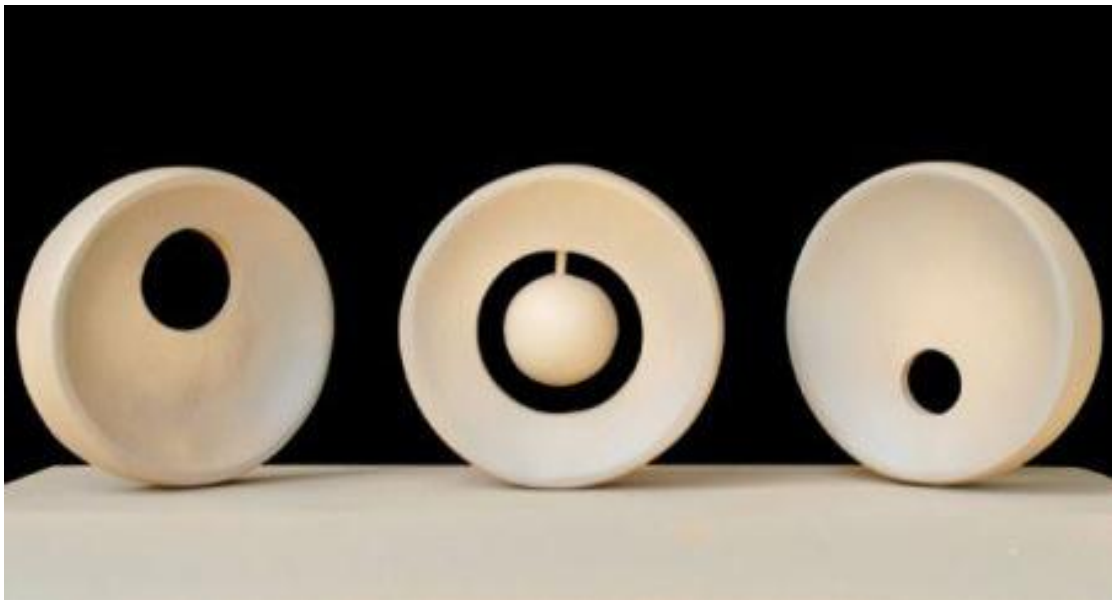


Sự hợp nhất Thiên Địa Nhân trong y học truyền thống phương Đông



Giáo sĩ Hồng Mai

Thuyết “Thiên nhân hợp nhất” và thuyết “Thiên địa vạn vật đồng nhất thể” xuất hiện rất sớm trong lịch sử triết học, y học và đạo học.

Tại Trung Quốc, cách đây trên 2.000 năm, Kinh Dịch, tác phẩm triết học đầu tiên do Thánh Phục Hy viết ra, được Thánh Văn Vương và Chu Công Đán khai triển; rồi Đức Khổng Tử mở

rộng thêm, từ đó, Kinh Dịch được xếp vào ngũ kinh của Nho gia. Nội dung kinh đề cập đến 3 phạm trù Trời, Đất, Người cùng với các giai đoạn sinh thành, biến hóa, thịnh suy của vũ trụ, vạn vật và con người.

Bên cạnh đó, tác phẩm kinh điển của y học truyền thống phương Đông là Hoàng Đế Nội Kinh do vua Hoàng Đế soạn ra và được các phương sĩ đời sau lần lượt bổ sung. Nội dung các tác phẩm kinh điển của y học đều lấy thuyết Thiên nhân hợp nhất làm nền tảng lý luận chủ yếu và đưa vào thực hành y học.

Trải qua các triều đại Trung Quốc, từ Hạ, Thương, Chu (thời Xuân thu, Chiến quốc), cho đến Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, thuyết Thiên nhân hợp nhất vẫn là tư tưởng chủ đạo được các triết gia, đạo gia, y gia kiến giải, bổ sung, ứng dụng. Tư tưởng Thiên nhân hợp nhất ngày càng sáng tỏ với những quan điểm mới mẻ. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, thuyết Thiên nhân hợp nhất và nguyên lý vạn vật nhất thể trở thành những tư tưởng mẫu chốt trong giáo lý Cao Đài, chi phối cả hai mặt hình nhi thượng và hình nhi hạ; hay nói cách khác, nguyên lý vạn vật nhất thể là tư tưởng nền tảng chủ yếu, chỉ đạo toàn bộ từ hình thức đến nội dung của đạo Cao Đài nhằm đến cứu cánh Thiên nhân hợp nhất.

Trong Kinh Dịch, chữ “Dịch” có nghĩa là quan sát, gồm chữ nhật (日) và chữ vật (勿), ý nói Thánh nhân nhìn lên trời để quan thiên tượng, cúi xuống đất để sát địa hình, để biết rằng vạn vật luôn biến thiên, động tịnh. Nhờ quan

thiên văn, sát địa lý, quán nhơn sự mà Thánh nhân nắm bắt được việc nào nên làm, việc nào không nên làm, biết được rằng một mùa đông giá rét, khởi mầm cho một mùa xuân ấm áp, những đóa hoa tàn tạ báo hiệu mầm tươi thắm khác sẽ đến.

Nguyên lý của Kinh Dịch là sự sống, “sinh sinh chi vị Dịch” (生生之謂易). Nguồn sống này được khai sinh và phát triển trên cái lý hợp nhất giữa Trời, Đất, Người.

Trong chương 2 Thuyết Quái Truyện có viết: “Ngày xưa bậc Thánh nhân khi viết ra Dịch để chỉ cái lý sống cho thuận với tính mệnh. Vì thế, cái đạo lập nên Thiên gọi là âm và dương, cái đạo lập nên Địa gọi là nhu và cương, cái đạo lập nên người gọi là nhân và nghĩa, kiêm cả tam tài rồi nhân đôi lên. Vì thế gọi là 6 vạch (trùng lên nhau) để thành quái, phân ra âm, phân ra dương, lần lượt dùng nhu cương, vì thế Dịch gồm 6 quẻ mà thành chương”. Như vậy Kinh Dịch đã chứng minh con người và Trời Đất có mối tương quan mật thiết với nhau. Từ sự hiểu biết thông thiên địa nhơn của Kinh Dịch, y học truyền thống phương Đông đặt vấn đề thông nhơn sinh, vì con người là tiểu thiên địa, vì vạn vật nhất thể, nên thông nhơn sinh tức là thông người với người và thông ngay chính nội bộ cơ thể của con người. Khi đã thông nội bộ cơ thể con người ắt sẽ thông được thiên địa. Ví dụ nếu nói, trong vạn vật, con người là trung tâm của thiên địa, thì trong cơ thể con người, trái tim chính là trung tâm của con người. Như vậy, y học là phương pháp mang lại sự sống, duy trì sự sống lâu dài,

y học chỉ cho con người biết cách “hòa” với cái “thái hòa” của toàn bộ thiên, địa, nhân, giúp con người biết thế nào là cách sống theo y đạo.

Trong y học phương Đông, sự kết hợp chặt chẽ các học thuyết sẽ giúp giải thích con người, trời đất một cách đầy đủ, không thể có học thuyết này mà không có học thuyết kia, vì hướng tiến của y học là tiến đến sự quan sát toàn diện con người, trời đất. Các học thuyết như thuyết Thiên nhân hợp nhất, thuyết Âm dương ngũ hành, thuyết Tạng tượng, thuyết Ngũ vận lục khí, thuyết Kinh lạc đều là những thuyết của y học giúp tìm hiểu con người ngay từ khi là một thai bào, rồi chào đời cho đến hơi thở cuối cùng của một sinh mạng.

Theo thuyết Âm dương ngũ hành, trong vũ trụ luôn tồn tại hai mặt, đó là tất cả các mặt thuộc âm và tất cả các mặt thuộc dương. Hai mặt này luôn vận động theo quy luật đối lập và thống nhất, tiêu trưởng và thăng bằng để tạo sự quân bình trong vũ trụ. Từ quy luật vận động của âm dương sinh ra vai trò của ngũ hành với quy luật sinh khắc thừa vũ. Trong cơ thể con người cũng thế, các tạng phủ, khí huyết vận hành theo quy luật âm dương – ngũ hành. Với quy luật thống nhất, đối lập, mâu thuẫn của âm dương, với quy luật khắc chế thừa vũ trong thuyết Ngũ hành, các nhà y học đã quy loại âm dương ngũ hành và các bộ phận cơ thể của con người cùng những hiện tượng tự nhiên của trời đất để đưa ra lý luận phương pháp dưỡng sinh, phòng, trị bệnh, phương

được, đồng thời chỉ cách thức ứng hóa theo sự vận hành của khí hậu, thời tiết, thổ nghi. Các Đạo gia vận dụng những tư tưởng của y học để thực hiện công phu của mỗi trường phái như phương pháp chế âm phục dương, công phu thu liễm, tiến thoái, v.v.

Trong học thuyết Tạng tượng, Tạng là chỉ các tạng khí trong thân thể con người, tượng là chỉ các hiện tượng biểu hiện ra bên ngoài. Tạng tượng là chỉ các hiện tượng mà các khí bên trong biểu hiện ra ngoài thân thể. Thuyết Tạng tượng nói đến chức năng sinh lý của từng bộ phận trong cơ thể như ngũ tạng, lục phủ, phủ kỳ hỗng, mỗi bộ phận đều quan hệ mật thiết với nhau và quan hệ không chia lìa với tự nhiên giới. Thí dụ như nói tạng tâm, không gọi là trái tim, phải nói đầy đủ là “thủ thiếu âm tâm hỏa” mới thấy được toàn cảnh mối quan hệ của nó.

Thuyết Vận khí, thuyết Kinh lạc, thuyết Âm dương ngũ hành, thuyết Tạng tượng kết hợp giải thích sự thông vận của khí huyết trong cơ thể con người và mối liên hệ với sự vận hành thịnh suy trong vũ trụ, để giải quyết những mất thăng bằng trong cơ thể. Thuyết Kinh lạc đề cập đến đường thông của khí huyết, vận chuyển qua lại liên tục, khắp cùng ngõ ngách như cái lưới chằng chịt kết nối với nhau trong thân thể con người. Vũ trụ cũng có cấu tạo tương tự đường kinh lạc trong cơ thể con người với sự tồn tại những khí như phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa luôn hoạt động bình thường giúp sự tạo tác và biến hóa mưa

năng của vũ trụ. Nếu xảy ra hiện tượng bất thường thì trở thành khí dữ, gọi lục âm, khí này tác động vào cơ thể của con người, đi qua kinh dương, sang đến kinh âm vào tạng phủ, nếu chính khí con người đầy đủ thì không hề hấn gì, chính khí yếu sẽ gây bất thường. Chính khí trong cơ thể chủ yếu do sự điều độ và tu luyện mà có. Nhưng tình chí như mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ thái quá làm cho thân tâm xáo trộn, hao tổn tinh thần. Thuyết Kinh lạc được các Đạo gia vận dụng trong các pháp tu luyện nội ngoại công để trường sanh và đắc đạo.

Thuyết Ngũ vận lục khí nêu lên sự thịnh suy của khí và vận trong một năm. Y học phương Đông căn cứ vào thiên can, địa chi và phối hợp với lục khí tam âm, tam dương để lý luận đại vận, chủ vận, khách vận, cũng như chủ khí, khách khí trong một năm, theo dõi sự bình thường, bất thường xảy ra trong một năm của vũ trụ. Trong Ngũ vận lục khí, những vấn đề như có đức, có hóa, có chính, có lệnh, có biến, có bệnh của mỗi mùa đều tiến hành theo quy luật. Như vậy mỗi mùa có sự biểu lộ đúng với thời, vạn vật phải biến hóa đúng thời. Tuy rằng có sự bất thường, nhưng vẫn giữ được cái bình thường của trời đất, đó là bình khí. Bình khí là chỉ vào khí của trời đất, không thái quá không bất cập; vận khí thái quá thì bị ức chế bớt, vận khí bất cập thì được phù trợ để trở về bình thường. Trong cơ thể con người cũng thế, con người phải sống sao cho giống như sự biến hóa đúng thời vận của ngũ vận lục khí trong bốn mùa, có lúc thăng, trầm, bỉ, thái, nhờ vậy mới hiểu mình hơn,

hiểu hơn, hiểu vật hơn. Thuyết này và thuyết Kinh lạc được vận dụng vào những thời khắc thịnh suy của khí mà thực hiện công phu.

Quan hệ giữa con người và tự nhiên được y học lý luận rất rõ qua tư tưởng Thiên Địa vạn vật nhất thể, y học cho rằng trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết nhân sự thì có thể tồn tại được lâu dài. Điều dưỡng thân thể mà không theo lẽ tự nhiên thì bệnh tật sẽ phát sinh. Y học còn nhận thức rằng trái đất ở vào khoảng không, không tựa vào đâu, mà nhờ sức của đại khí trong vũ trụ nâng đỡ, trời đất không lúc nào không vận chuyển và biến hóa; sự biến hóa này diễn ra theo một tiến trình, khí trời luôn luôn giáng xuống, khí đất luôn luôn đưa lên, một khí ở trên và một khí ở dưới hấp dẫn nhau, tác dụng lẫn nhau; đồng thời có động, có tĩnh, một bên động, một bên tĩnh ảnh hưởng lẫn nhau. Động và tĩnh hút nhau, trên dưới ảnh hưởng lẫn nhau, âm dương xen lẫn phối hợp biến hóa sinh ra vạn vật; như vậy vạn vật tồn tại trong khí giao. Nói cách khác, con người tồn tại trong khí âm dương của trời đất, trời đất giao không phải trừu tượng mà có đường đi nước bước. Sự vận động của trời đất có sanh trưởng thu tàng thì sự vận động của con người có sanh lão bệnh tử. Dựa vào lý Thiên nhân hợp nhất, các nhà tu hành tìm ra pháp tu có công năng làm chậm quá trình “lão- bệnh- tử” của con người. Vì vậy, trong giới tự nhiên với muôn loài vạn vật, quý báu nhất là con người, con người và vạn vật dựa theo

quy luật tự nhiên của bốn mùa sinh, trưởng, thu, tàng để hoàn thành quá trình tiến hóa.

Tư tưởng thiên nhân hợp nhất lý giải toàn bộ hệ thống lý luận của y học, mọi thực tiễn lâm sàng đều phải quán triệt tư tưởng chủ đạo ấy. Vì thế, trong mọi hoạt động đời sống nhân sinh, đều cần phải tùy thời và thích ứng với quy luật sanh, trưởng, thu, tàng để gìn giữ sự nhịp nhàng giữa trong và ngoài cơ thể con người để dưỡng sinh, dưỡng trưởng, dưỡng thu, dưỡng tàng. Một năm có bốn mùa xuân hạ thu đông với thời tiết và công năng diệu dụng khác nhau, trong một ngày cũng có bốn mùa với công năng tương ứng; buổi sáng thì tương đương với mùa xuân; giữa trưa thì mùa hạ; chập tối thì mùa thu; và nửa đêm tương đương với mùa đông. Nói về hơi thở của con người cũng thế, hơi thở quyết định sinh mạng của con người. Một hơi thở hít vào tức là đưa khí tự nhiên của trời đất vào cơ thể qua ạng, qua kinh với đầy đủ nguồn năng lượng nuôi dưỡng cần thiết. Một hơi thở thở ra tức là đưa khí ra, cũng là đưa những độc tố ra ngoài sau khi thực hiện quá trình nhận thải của cơ thể. Một hơi ra, một hơi vào con người được sống, tuy nhiên sống như thế nào cho có ý nghĩa, có dương khí, chính khí, điều này thuộc lãnh vực của các nhà tu hành. Có khí thì không thể thiếu nước, nước uống từ bên ngoài trực tiếp thẳng dạ dày, nguồn nước thiên nhiên từ âm thổ cung cấp đầy đủ tính chất dưỡng nuôi tạng phủ. Nếu cơ thể không có nguồn nước từ đất mẹ vào cơ thể để gìn giữ,

thanh lọc, thẩm thấu, tươi nhuận cho huyết, thì nguồn khí đừng mong thẳng giáng thư thả để thực hiện nhiệm vụ. Ngược lại, khí lưu hành thì huyết mới thông, nếu không có sự mở đường của khí thì huyết bị bí lối, cô đặc. Các nhà tu hành trong phép công phu ứng dụng sự thịnh suy của khí huyết mà vận dụng vào phép vận khí điều tức sao cho ngày càng thâm diệu.

Ngày nay, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài nêu cao nguyên lý Thiên Nhơn Hợp Nhứt và Thiên Địa Vạn vật đồng nhất thể như là tư tưởng bao trùm cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Tư tưởng này dẫn dắt con người hợp tam gia, đồng vạn giáo, đăc trung nhất, thông trời đất. Điều này được Đức Cao Đài và các Đấng Thiêng Liêng khái ngộ cho con người. Con người muốn tìm hiểu, gieo duyên lành cho mình, hãy gõ cửa Cao Đài.

*“Có trong chứa đựng máy hành tàng,
Một cõi thiên đàng, một thế gian.
Vạn hữu hữu vô tình bất đoan,
Thiên không không sắc lý tương quan.
Âm dương động tác sanh sanh trưởng,
Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoan.
Co duỗi màn trời ai rõ biết?
Để cùng vũ trụ định nhân gian.”⁻¹*

(CÒN TIẾP)

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).